

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/HS - ST
Ngày 15/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hồng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Tâm.
- Ông Trần Tô Hiệp.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Huế- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/HSST ngày 28/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 05/9/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Tiến L** (Không có tên gọi khác).

Sinh năm 1988, tại huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm NC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Lưu Tiến Ngọc và bà Lưu Thị Đôi; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Bị hại:

Anh Lưu Sùng Th, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm NC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Lê Thị Tiên, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm NC, xã LT huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

Người làm chứng:

Anh Lưu Tiến Sỹ, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm NC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 11/5/2023, anh Lưu Sùng Th có mời Lưu Tiến L và khoảng 10 người khác đến nhà mình ăn cơm. Đến khoảng 21 giờ sau khi ăn cơm xong, chị Lê Thị Tiên là vợ anh Th có mở tủ để lấy tiền trả cho những người vợ chồng chị thuê làm rừng nên L biết nhà anh Th cất tiền trong tủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 12/5/2023, quan sát thấy nhà anh Th không có ai ở nhà nên L đã nảy sinh ý định vào trong nhà anh Th trộm cắp tiền để tiêu sài cá nhân. Sau đó, L đi ra phía sau nhà anh Th và trèo lên tường, chui qua khe hở giữa tường và mái nhà rộng 50cm vào bên trong, L đi vào trong buồng ngủ thấy 01 chiếc tủ quần áo, L mở cánh tủ bên phải lục tìm nhưng không có tài sản gì, L mở cánh tủ bên trái thấy cánh tủ bị khóa, L liền tìm chìa khóa thì thấy 02 chiếc chìa khóa trên nóc tủ. Sau đó, L dùng chìa khóa mở khóa cánh tủ bên trái, lục tìm tài sản thì thấy 01 túi nilon bên trong có số tiền 56.000.000 đồng (Toàn bộ là tờ tiền 500.000 đồng). L cất giấu số tiền vào túi quần, khóa lại cửa tủ và đi ra ngoài theo lối cũ. Về đến nhà, L đào 01 hố có kích thước 20x20x20cm tại vườn nhà mình và cất giấu số tiền trộm cắp được. Đến sáng ngày 13/5/2023, L ra vườn đào số tiền lên và lấy 16 tờ tiền (8.000.000 đồng), còn lại 48.000.000 đồng L cất giấu lại tại hố đất. Số tiền 8.000.000 đồng L dùng để mua nước uống, đồ ăn và thuốc lá, ngày 14/5/2023, L tiếp tục sử dụng số tiền này để mời Lưu Tiến Sỹ ở cùng xóm đi uống bia và đi lên thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn chơi và ngủ qua đêm tại đó. Tổng số tiền L đã sử dụng hết là 4.460.000 đồng còn lại 3.540.000 đồng L cất giấu trong người.

Sau khi phát hiện bị mất tiền ngày 16/5/2023, anh Lưu Sùng Th đã làm đơn trình báo Công an xã LT, huyện Đ đề nghị giải quyết. Sau khi tiếp nhận đơn, qua kiểm tra, xác minh Công an xã LT đã triệu tập Lưu Tiến L đến cơ quan Công an để đấu tranh. Kết quả L đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Ngày 17/5/2023, Lưu Tiến L đã giao nộp cho Công an xã LT, huyện Đ số tiền 51.540.000 đồng, vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số: 735 ngày 06/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Toàn bộ số tiền Lưu Tiến L giao nộp gửi giám định là tiền thật.

Vật chứng của vụ án gồm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 51.540.000 đồng, sau khi điều tra xác minh làm rõ Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Lưu Sùng Th là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Đối với chiếc túi

nilon mà L đã dùng để cất tiền dưới đất, khi mang tiền ra nộp cho cơ quan Công an do lo sợ Lưu Tiến L đã vớt nên không tìm lại được. Đối với số tiền 4.460.000 đồng do L không xác định được đã trả cho những ai, ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh, thu giữ.

Quá trình điều tra bị cáo Lưu Tiến L đã bồi thường cho anh Lưu Sùng Th số tiền 4.460.000 đồng, anh Th đã nhận đủ số tiền trên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Cáo trạng số: 56/CT-VKSDH, ngày 27/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Lưu Tiến L về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi bị truy tố, xét xử là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố trong Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lưu Tiến L phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Tiến L từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng. Đề nghị giao bị cáo cho địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện trả lại tổng số tiền 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) cho bị hại là anh Lưu Sùng Th. Anh Th đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo thấy hối hận khi đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người làm chứng anh Sỹ: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia tố tụng nhưng người làm chứng vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về sự vắng mặt của họ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị xét xử vắng người làm chứng. Quá trình điều tra, anh Sỹ không có khiếu nại gì đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia nên việc vắng mặt của anh Sỹ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh, điều luật truy tố: Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Do lười lao động, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiêu tiêu xài cá nhân. Do vậy, khoảng 07 giờ ngày 12/5/2023, quan sát thấy nhà anh Th không có ai ở nhà nên L lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tiền để tiêu sài cá nhân. L đi ra phía sau nhà anh Th và trèo lên tường, chui qua khe hở giữa tường và mái nhà vào bên trong. L đi vào trong buồng ngủ thấy 01 chiếc tủ quần áo, L mở cánh tủ bên phải lục tìm nhưng không có tài sản gì, L mở cánh tủ bên trái thấy cánh tủ bị khóa, L lục tìm chìa khóa thì thấy 02 chiếc chìa khóa trên nóc tủ. Sau đó, L dùng chìa khóa mở khóa cánh tủ bên trái, lục tìm tài sản thấy 01 túi nilon bên trong có số tiền 56.000.000 đồng, L cất giấu số tiền vào túi quần, khóa lại cửa tủ và đi ra ngoài theo lối cũ. Về đến nhà, L đào 01 hố tại vườn nhà mình và cất giấu số tiền trộm cắp được tại đó. Đến sáng ngày 13/5/2023, L ra vườn đào số tiền lên và lấy 8.000.000 đồng, còn lại 48.000.000 đồng L cất giấu lại tại hố đất. Số tiền 8.000.000 đồng L dùng để mua nước uống, đồ ăn và thuốc lá, mời Lưu Tiến Sỹ ở cùng xóm đi uống bia và đi chơi. Tổng số tiền L đã sử dụng hết là 4.460.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

Nội dung điều luật quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, hậu quả hành vi của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền chiếm hữu, sử dụng tài sản của công dân, đi ngược lại công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm của toàn xã hội, đã xâm phạm đến các điều cấm được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi bị cáo đã thực hiện phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo *“thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải”* và *“người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại”* do đó bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, đối với tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi được và trả lại cho người bị hại, sau khi nhận lại tài sản bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bởi bị cáo là thương binh hạng 4/4. Vì vậy, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ vào nhân thân, tính chất của vụ án và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng. Nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho cáo bị cáo được hưởng án treo vẫn bảo đảm tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện trả lại tổng số tiền 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) cho bị hại là anh Lưu Sùng Th. Anh Th đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người khỏe mạnh, có năng lực hành vi dân sự. Do lười lao động, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự là cần thiết và phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) cho anh Lưu Sùng Th là đúng quy định.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và vấn đề khác là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Tiến L phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Tiến L 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lưu Tiến L cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lưu Tiến L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Lưu Tiến L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 135; 136; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lưu Tiến L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Quyên Trần Văn Hùng

